

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 27-5-2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Xuân Thập
2. Ông Nguyễn Ngọc Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2020/QĐST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Bùi Hữu Đ, sinh năm 1976;

Nơi đăng ký thường trú: Tổ 7, ấp A, xã Th, huyện V, tỉnh Đ (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Lương Thị Mỹ H, sinh năm 1981;

Nơi đăng ký thường trú: Số nhà XXX, tỉnh lộ 768, ấp B, xã Th, huyện V, tỉnh Đ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/4/2020, các bản khai, biên bản hòa giải tại Tòa án nguyên đơn ông Bùi Hữu Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Đ và bà Lương Thị Mỹ H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999, hai bên gia đình có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc cho đến năm 2008 thì phát

sinh mâu thuẫn và không tiếp tục sống chung. Nay tình cảm giữa ông Đ và bà H không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian sống chung, ông Đ và bà H có 02 con chung tên Bùi Thị Ngọc Ng sinh ngày 30/9/2000 và Bùi Ngọc Kim Nh sinh ngày 01/01/2007. Khi ly hôn ông Đ yêu cầu được nuôi con chung là Bùi Ngọc Kim Ng và không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Bùi Thị Ngọc Ng đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và quá trình xét xử bị đơn bà Lương Thị Mỹ H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999 nhưng không đăng ký kết hôn và cho đến nay vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Bà và ông Đ không còn sống chung với nhau từ năm 2008 nên tình cảm không còn. Nay ông Đ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Trong thời gian sống chung, ông Đ và bà H có 02 con chung tên Bùi Thị Ngọc Ng sinh ngày 30/9/2000 và Bùi Ngọc Kim Nh sinh ngày 01/01/2007. Khi ly hôn bà H đồng ý giao con cho ông Đ nuôi dưỡng và tạm thời không cấp dưỡng nuôi con. Bà H đề nghị được thăm nom con chung ông Đ và gia đình không được cản trở. Cháu Bùi Thị Ngọc Ng đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

* Về tố tụng:

- Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ là đúng quy định.

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử và đương sự là đúng quy định.

* Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử tuyên không công nhận vợ chồng giữa ông Bùi Hữu Đ và bà Lương Thị Mỹ H; về con chung: ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao cháu Bùi Ngọc Kim Nh cho ông Đ nuôi dưỡng, tạm thời bà H không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm

tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Ông Bùi Hữu Đ khởi kiện bà Lương Thị Mỹ H yêu cầu giải quyết ly hôn, bị đơn có địa chỉ tại: xã Thanh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai; Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Về quan hệ pháp luật: Ông Bùi Hữu Đ yêu cầu ly hôn, yêu cầu được nuôi con chung nên xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Hữu Đ và bà Lương Thị Mỹ H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999, ông bà có đủ điều kiện để thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật về hộ tịch và pháp luật về Hôn nhân và gia đình nhưng đã không thực hiện việc đăng ký và cho đến khi khởi kiện tại Tòa án yêu cầu giải quyết ly hôn các đương sự đều thừa nhận chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. UBND xã Thanh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai nơi các đương sự cư trú đã xác nhận nội dung trình bày của các đương sự về việc chưa đăng ký kết hôn là đúng. Theo quy định tại Điều 87 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 52 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, trường hợp nam nữ sống chung như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Bùi Hữu Đ và bà Lương Thị Mỹ H theo đơn khởi kiện ly hôn của ông Bùi Hữu Đ.

Về con chung: Trong thời gian sống chung, ông Đ và bà H có 02 con chung tên Bùi Thị Ngọc Ng sinh ngày 30/9/2000 và Bùi Ngọc Kim Nh sinh ngày 01/01/2007. Ông Đ và bà H thỏa thuận giao cháu Bùi Ngọc Kim Nh cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời bà H không phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên ghi nhận. Đối với cháu Bùi Thị Ngọc Ng sinh ngày 30/9/2000 đã thành niên và có khả năng lao động, các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

ông Bùi Hữu Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 87 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 53, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Bùi Hữu Đ và bà Lương Thị Mỹ H.

Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông Đ và bà H về nuôi con, giao con chung tên Bùi Ngọc Kim Nh sinh ngày 01/01/2007 cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời bà H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà H không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Ông Bùi Hữu Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002491 ngày 17/4/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Ông Đ đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ sau ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ sau ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKS nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKS nhân dân huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- Các đương sự;
- UBND xã Thanh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Quang